PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

Phụ lục I
BIỂU MẪU ÁP DỤNG CHO VIỆC NỘP HỒ SƠ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

(Tiếp theo Công báo số 611 + 612)

Biểu B1-2c-TMDA
10/2014/TT-BKHCN

THUYẾT MINH[1]
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP QUỐC GIA

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	**Tên dự án**	**1a**	**Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)*:
2	**Thời gian thực hiện:**..... **tháng** (Từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)	**3**	**Cấp quản lý** Quốc gia ☐ Bộ ☐ Cơ sở ☐ Tỉnh ☐
4	☐ **Thuộc Chương trình** (ghi rõ tên chương trình, nếu có) ☐ **Thuộc dự án KH&CN** ☐ **Dự án độc lập**		
5	**Tổng vốn thực hiện dự án:**..... **triệu đồng, trong đó:**		

Nguồn	**Kinh phí** *(triệu đồng)*	
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		
- Vốn tự có của tổ chức chủ trì		
- Khác (liên doanh...)		

6	**Phương thức khoán chi:**	
☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng	☐ Khoán từng phần, trong đó: - Kinh phí khoán:..... triệu đồng - Kinh phí không khoán:..... triệu đồng	

[1] Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

7 Chủ nhiệm dự án

Họ và tên:.....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐
Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:.....
Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....
Điện thoại: Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....
Fax:..... E-mail:.....
Tên tổ chức đang công tác:.....
Địa chỉ tổ chức:.....
Địa chỉ nhà riêng:.....

8 Thư ký Dự án

Họ và tên:.....
Năm sinh:..... Giới tính: Nam ☐ / Nữ ☐
Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn: .....
Chức danh khoa học: .....
Chức vụ:.....
Điện thoại: Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile: .....
Fax:..... E-mail: .....
Tên tổ chức đang công tác: .....
Địa chỉ tổ chức:.....
Địa chỉ nhà riêng:.....

9 Tổ chức chủ trì thực hiện dự án

Tên tổ chức chủ trì dự án: .....
Điện thoại:..... Fax: .....
E-mail:.....
Website:.....
Địa chỉ: .....
Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....
Số tài khoản:.....
Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng:.....
Tên cơ quan chủ quản dự án: .....

10 Tổ chức tham gia chính

10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ: .....
.....
Điện thoại:..... Fax: .....
E-mail:.....Website: .....
Địa chỉ: .....
Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....
Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án: .....

10.2. Tổ chức khác

Tên tổ chức:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

E-mail:..... Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

11 Cán bộ thực hiện Dự án

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm Dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi[2])
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

12 Xuất xứ

[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị *(tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền);*

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ *(tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp);*

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*hợp đồng chuyển giao công nghệ*; *tên văn bằng, chứng chỉ*, *ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan*);

- Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.]

.....

.....

.....

.....

[2] Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

13 Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án

13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án *(Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).*

.....

.....

.....

.....

13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án *(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).*

.....

.....

.....

.....

13.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng *(Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).*

.....

.....

.....

.....

13.4. Năng lực thực hiện dự án *(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).*

.....

.....

.....

.....

13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án *(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất - kinh doanh,...).*

.....

.....

.....

.....

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

14 Mục tiêu

14.1. Mục tiêu của dự án sản xuất[3] hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra *(Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);*

.....

.....

.....

14.2. Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm *(Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)*

.....

.....

.....

15 Nội dung

15.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án

.....

.....

.....

.....

15.2. Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ *(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm);*

.....

.....

.....

.....

15.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.

.....

.....

.....

.....

[3] Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc.

16 Phương án triển khai

16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/ phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m^2), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;...);

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

16.2. Phương án tài chính *(Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án)* trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);
- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2 - 3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án,...);
- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).
- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)

.....
.....
.....
.....
.....

16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án *(Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3 - 5, phụ lục 9);*

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);
- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);
- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;
- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

17 Sản phẩm của Dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i)Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii)Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii)Ấn phẩm; (iv)Đào tạo cán bộ; (v)Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

18 Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc

18.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i)Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii)Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii)Liên doanh, liên kết; (iv)Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

.....
.....
.....
.....
.....

18.2. Quy mô sản xuất (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

.....
.....
.....
.....
.....

18.3. Tổng số vốn của dự án sản xuất

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của dự án sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

*** Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm:** (i) Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii) Thiết bị, máy móc mua mới; (iii) Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

*** Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

*** Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế - kỹ thuật.

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó						
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động			
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	***Ngân sách SNKH:*** - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
2	***Các nguồn vốn khác*** 2.1 Vốn tự có của cơ sở: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2 Khác (vốn huy động,...) - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
Cộng									

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm
(Trong thời gian thực hiện Dự án)

	Nội dung	**Tổng số chi phí** *(1.000 đ)*	**Trong đó theo sản phẩm**			**Ghi chú**
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
A	**Chi phí trực tiếp**					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
B	**Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định**					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

Ghi chú: - *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

Bảng 3. Tổng doanh thu
(Cho thời gian thực hiện dự án)

TT	**Tên sản phẩm**	**Đơn vị**	**Số lượng**	**Giá bán dự kiến** *(1.000 đ)*	**Thành tiền** *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				cộng:	

Bảng 4. Tổng doanh thu
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	**Tên sản phẩm**	**Đơn vị**	**Số lượng**	**Đơn giá** *(1.000 đ)*	**Thành tiền** *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				cộng:	

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án (cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	**Nội dung**	**Thành tiền** *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích:

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

Thời gian thu hồi vốn T = $\frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng + Khấu hao}}$ = —— = ... **năm**

Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư = $\frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}}$ x 100 = —— x 100 = ... **%**;

Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu = $\frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}}$ x 100 = —— x 100 = ... **%**;

18 Hiệu quả kinh tế - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường...)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Chủ nhiệm dự án
(Họ, tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Tổ chức chủ trì dự án
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Bộ chủ trì[4]
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....
Thủ trưởng
Cơ quan chủ quản dự án[5]
hoặc
Chủ nhiệm chương trình[6]
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

[4,5,6] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt.*

Phụ lục-TMDA

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN

(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba	*Trong đó, khoán chi theo quy định**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Thiết bị, máy móc mua mới												
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo												
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ												
4	Chi phí lao động												
5	Nguyên vật liệu năng lượng												
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng												
7	Chi khác												
	Tổng cộng												

**** Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt***

Phụ lục 1-TMDA

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi**	Năm thứ ba	*Trong đó, khoán chi**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1		Nguyên, vật liệu chủ yếu														
2		Nguyên, vật liệu phụ														
3		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng														
	Cộng:															

** Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

Phụ lục 2-TMDA

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba	*Trong đó, khoán chi theo quy định**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1		***Về điện:***	*kW/h*													
		- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc..... kW														
2		***Về nước:***	*m^3*													
3		***Về xăng dầu:***	*Lít*													
		- Cho thiết bị sản xuất..... tấn														
		- Cho phương tiện vận tải..... tấn														
		Cộng:														

** Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

Phụ lục 3a-TMDA

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ MÁY MÓC

Đơn vị: triệu đồng

A. Thiết bị hiện có *(tính giá trị còn lại)*

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Thiết bị công nghệ**				
1					
2					
3					
4					
II	**Thiết bị thử nghiệm, đo lường**				
1					
2					
3					
4					
				Cộng:	

Phụ lục 3b-TMDA

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ MÁY MÓC

B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1		Mua thiết bị công nghệ										
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường										
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền										
4		Mua phần mềm máy tính										
5		Vận chuyển lắp đặt										
6		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)										
	Cộng:											

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ **mua nguyên chiếc** thiết bị, máy móc

** Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

Phụ lục 4-TMDA

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
A		**Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)**							
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ							
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật							
3		- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào							
4		- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm							
5		.....							
B		**Chi phí đào tạo công nghệ**							
1		- Cán bộ công nghệ							
2		- Công nhân vận hành							
3		.....							
		Cộng							

* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

Phụ lục 5-TMDA

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Đơn vị: triệu đồng

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
3					
	Cộng A:				

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1		Xây dựng nhà xưởng mới							
2		Chi phí sửa chữa cải tạo							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện							
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước							
5		Chi phí khác							
		Cộng B:							

* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

Phụ lục 6-TMDA

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr.đ/người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1		Chủ nhiệm Dự án										
2		Kỹ sư										
3		Nhân viên kỹ thuật										
4		Công nhân										
		Cộng										

* *Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt*

Phụ lục 7-TMDA

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
				Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba	*Trong đó, khoán chi theo quy định**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1		**Công tác phí** - Trong nước - Ngoài nước											
2		**Quản lý phí** - Quản lý hành chính thực hiện dự án											
3		**Sửa chữa, bảo trì thiết bị**											
4		**Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:** - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở											

TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn									
				Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
				Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba	*Trong đó, khoán chi theo quy định**		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
5		**Chi khác:** - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, - Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...											
		Cộng											

** Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

Phụ lục 8-TMDA

KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

TT	Nội dung công việc	Tháng																								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																									
2	Hoàn thiện công nghệ																									
3	Chế tạo, mua thiết bị																									
4	Lắp đặt thiết bị																									
5	Đào tạo công nhân																									
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																									
7	Thử nghiệm mẫu																									
8	Hiệu chỉnh công nghệ																									
9	Đánh giá nghiệm thu																									

Phụ lục 9-TMDA

VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng *có thể tiêu thụ trong năm:*			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

Biểu B1-2d-TMĐA
10/2014/TT-BKHCN

THUYẾT MINH[1]
ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

<table>
<tr><td>1</td><td>Tên đề án:</td><td>1a. Mã số của đề án: (được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)</td></tr>
<tr><td>2</td><td colspan="2">Loại đề án:
- ☐ Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình), Mã số:
- ☐ Độc lập
- ☐ Khác (ghi rõ tên)</td></tr>
<tr><td>3</td><td colspan="2">Thời gian thực hiện:..... tháng
(từ tháng /năm 20... đến tháng /năm 20...)</td></tr>
<tr><td>4</td><td colspan="2">Kinh phí thực hiện:
Tổng kinh phí:..... (triệu đồng), trong đó:
- Từ ngân sách sự nghiệp khoa học:...
- Từ nguồn tự có của tổ chức
- Từ nguồn khác:...</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Phương thức khoán chi:
☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng</td><td>☐ Khoán từng phần, trong đó:
- Kinh phí khoán:..... triệu đồng
- Kinh phí không khoán:..... triệu đồng</td></tr>
<tr><td>6</td><td colspan="2">Chủ nhiệm đề án:
Họ và tên: .....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ: .....
Học hàm, học vị: .....
Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....
Điện thoại của tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....
Fax:..... E-mail:.....
Tên tổ chức đang công tác:.....
Địa chỉ tổ chức: .....
Địa chỉ nhà riêng: .....</td></tr>
</table>

[1] Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

7 Thư ký đề án:

Họ và tên: .....
Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ: .....
Học hàm, học vị: .....
Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....
Điện thoại của tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....
Fax:..... E-mail:.....
Tên tổ chức đang công tác:.....
Địa chỉ tổ chức: .....
Địa chỉ nhà riêng: .....

8 Tổ chức chủ trì đề án[2]:

Tên tổ chức chủ trì đề án:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
E-mail:.....
Website:.....
Địa chỉ: .....
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....
Số tài khoản:.....
Ngân hàng:.....
Cơ quan chủ quản đề án: .....

9 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề án: (nếu có)

1. **Tổ chức 1**:.....
Cơ quan chủ quản.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Địa chỉ: .....
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....
Số tài khoản:.....
Ngân hàng:.....
2. **Tổ chức 2**:.....
Cơ quan chủ quản.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Địa chỉ: .....
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....
Số tài khoản:.....
Ngân hàng:.....
3. **Tổ chức**.....

[2] Tổ chức đăng ký chủ trì đề án là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề án

10 Các cán bộ thực hiện đề án:

*(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những **nội dung chính** thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề án. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)*

	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho đề án *(Số tháng quy đổi[3])*
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

11 Mục tiêu của đề án: *(phát triển và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)*

.....

.....

.....

.....

.....

12 Tình trạng đề án:

☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

13 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề án:

13.1. ***Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề án***

(*Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề án*)

[3] Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

13.2. Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án

(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hóa mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề án)

14 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề án đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:

(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)

15 Nội dung nghiên cứu của đề án:

(Xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra)

Nội dung 1: .....
.....
.....

Nội dung 2: .....
.....
.....

Nội dung 3: .....
.....
.....

16 Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề án:

(Giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề án)

- Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)
- Hội thảo/tọa đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Đào tào, tập huấn phục vụ đề án
- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)
- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)
- .....

17 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề án; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)

Cách tiếp cận:

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....

.....

18 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:

[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề án (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề án; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]

19 Phương án hợp tác quốc tế: (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề án)

20	**Kế hoạch thực hiện:**				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	**Kết quả phải đạt**	**Thời gian** *(bắt đầu, kết thúc)*	**Cá nhân, tổ chức thực hiện***	**Dự kiến kinh phí**
1	***Nội dung 1***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				
2	***Nội dung 2***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				

** Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10*

III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN

21 **Sản phẩm chính của đề án và yêu cầu chất lượng cần đạt:** *(liệt kê theo dạng sản phẩm)*

21.1. Dạng I: Báo cáo khoa học của đề án (báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); dự thảo cơ chế chính sách; kết quả dự báo; mô hình; quy trình, quy phạm; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.

TT	**Tên sản phẩm** *(ghi rõ tên từng sản phẩm)*	**Yêu cầu khoa học cần đạt**	**Ghi chú**

21.2. Dạng II: Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác

TT	**Tên sản phẩm** *(ghi rõ tên từng sản phẩm)*	**Yêu cầu khoa học cần đạt**	**Dự kiến nơi công bố** *(Tạp chí, Nhà xuất bản)*	**Ghi chú**

22 Lợi ích của đề án và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

22.1. Lợi ích của đề án:

a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc hoạch định và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

b) Góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề án, đào tạo sau đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

22.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

23	**Kinh phí thực hiện đề án phân theo các khoản chi:**						
	Nguồn kinh phí	**Tổng số**	**Trong đó**				
			Trả công lao động (khoa học, phổ thông)	**Nguyên, vật liệu, năng lượng**	**Thiết bị, máy móc**	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**	**Chi khác**
	Tổng kinh phí						
	Trong đó:						
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*:						
2	Nguồn khác (vốn huy động,...)						

(*): chỉ dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

Ngày..... tháng..... năm 20...
Chủ nhiệm đề án
(Họ tên và chữ ký)

Ngày..... tháng..... năm 20...
Tổ chức chủ trì đề án
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm 20...
Bộ chủ trì đề án[4]
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày.....tháng..... năm 20...
Thủ trưởng
Cơ quan chủ quản đề án[5]
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)
hoặc
Đại diện Ban Chủ nhiệm Chương trình[6]
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

[4,5,6] Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề án được phê duyệt

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ ÁN

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn								
				Ngân sách SNKH								Khác
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	
1	*2*	*3*	*4*	*5=(7+9+11)*	*6=(8+10+12)*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	12	13
1	**Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) gồm: *Nội dung 1* *Nội dung 2* *Nội dung 3...*											
2	**Nguyên,vật liệu, năng lượng**											
3	**Thiết bị, máy móc**											
4	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**											
5	**Chi khác** *Trong đó:* *- Công tác trong nước* (địa điểm, thời gian) *- Hợp tác quốc tế (*nước, số người*)*											
	Tổng cộng:											

** Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung lao động *Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 15 của thuyết minh*	Tổng số		Nguồn vốn								
				Ngân sách SNKH								Khác
		Mục chi	Ngân sách SNKH	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định **	Năm thứ ba	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	
1	*2*	*3*	*4*	*5=(7+9+11)*	*6=(8+10+12)*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	12	13
1	***Nội dung 1***											
	- Sản phẩm 1											
	- Sản phẩm 2											
2	***Nội dung 2***											
	- Sản phẩm ….											
	Tổng cộng:											

** Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn								
						Ngân sách SNKH								Khác
						Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	**Nguyên, vật liệu** *(Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại thuyết minh)*													
2	**Năng lượng, nhiên liệu**													
3	**Mua sách, tài liệu, số liệu**													
Cộng:														

** Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Mục chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn				
							Ngân sách SNKH				Khác
							Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*	
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	**Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề án** (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)										
2	**Thiết bị mua mới**										
3	**Thuê thiết bị** (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)										
Cộng:											

** Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn				
			Ngân sách SNKH				Khác
			Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba *	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1							
2							
3							
4							
	Cộng:						

***** *Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

Khoản 5. Chi khác

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số		Nguồn vốn								
				Ngân sách SNKH								Khác
		Mục chi	Tổng	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	12	13
1	**Công tác trong nước** (địa điểm, thời gian, số lượt người)											
2	**Hợp tác quốc tế**											
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần)											
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)											
3	**Kinh phí quản lý** (của cơ quan chủ trì)											
4	**Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp**											
	- Chi phí kiểm tra nội bộ											
	- Chi nghiệm thu trung gian											
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ											
	- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề án											
5	**Chi khác**											
	- Hội thảo											
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm											
	- Dịch tài liệu											
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ											
	- Khác											
6	**Phụ cấp chủ nhiệm đề án**											
7	**.....**											
	Cộng:											

** Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

Biểu B1-3-LLTC
10/2014/TT-BKHCN

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KH&CN[1] CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

1. Tên tổ chức:

Năm thành lập:

Địa chỉ:

Website:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH&CN.

3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức

TT	*Cán bộ có trình độ đại học trở lên*	*Tổng số*
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ

TT	*Cán bộ có trình độ đại học trở lên*	*Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ*
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

[1] Trình bày và in trên khổ giấy A4.

5. ***Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn/giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đã kê khai ở mục 4 trên đây*** *(Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án/đề án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác,...)*

6. ***Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN:***

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu:

7. ***Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách SNKH) cho việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN đăng ký.***

- Vốn tự có:..... triệu đồng ***(văn bản chứng minh kèm theo).***
- Nguồn vốn khác:..... triệu đồng ***(văn bản chứng minh kèm theo).***

....., ngày..... tháng..... năm 20....

THỦ TRƯỞNG

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)

Biểu B1-4-LLCN
10/2014/TT-BKHCN

LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ KH&CN[1]

ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ☐
ĐĂNG KÝ THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ[2]: ☐

1. Họ và tên:	
2. Năm sinh:	**3.** Nam/Nữ:
4. Học hàm:	Năm được phong học hàm:
Học vị:	Năm đạt học vị:
5. Chức danh nghiên cứu:	
Chức vụ:	
6. Địa chỉ nhà riêng:	
7. Điện thoại: CQ: ; NR: ; Mobile:	
8. Fax:	E-mail:
9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm:	
Tên tổ chức:	
Tên người Lãnh đạo:	
Điện thoại người Lãnh đạo:	
Địa chỉ tổ chức:	

10. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			

[1] Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện chính đề tài/đề án hoặc dự án SXTN cấp Quốc gia. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.
[2] Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 12 bản thuyết minh đề tài KHCN hoặc mục 10 bản thuyết minh đề tài KHXH/đề án hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng.

11. Quá trình công tác

Thời gian *(Từ năm... đến năm...)*	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ tổ chức

12. Các công trình công bố chủ yếu

(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 5 năm gần nhất)

TT	Tên công trình (*bài báo, công trình...*)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (*tên tạp chí đã đăng công trình*)	Năm công bố

13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp...

(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn
(liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (*bắt đầu - kết thúc*)

15. Các đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia
(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)

Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	*Thời gian* (bắt đầu - kết thúc)	*Thuộc Chương trình* (nếu có)	*Tình trạng đề tài* (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	*Thời gian* (bắt đầu - kết thúc)	*Thuộc Chương trình* (nếu có)	*Tình trạng đề tài* (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

16. Giải thưởng
(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác
(liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm 20...

TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN[3] (*Xác nhận và đóng dấu*) Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà..... chủ trì (tham gia) thực hiện đề tài/đề án, dự án	**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM (HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH) ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN, DỰ ÁN** (*Họ, tên và chữ ký*)

[3] Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH&CN nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này.

Biểu B1-5-PHNC
10/2014/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP NGHIÊN CỨU[1]
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

Kính gửi: Bộ.....

1. Tên đề tài, đề án, dự án SXTN đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:

.....

.....

.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình:.....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, đề án, dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, đề án, dự án SXTN

.....

.....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, đề án, dự án SXTN

.....

3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN

.....

Địa chỉ.....

Điện thoại.....

[1] Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

4. Nội dung công việc tham gia trong đề tài, đề án, dự án (*và kinh phí tương ứng*) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh đề tài, đề án, dự án SXTN của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý Bộ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài, đề án, dự án SXTN.

....., ngày.... tháng... năm 20....

CÁ NHÂN **ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM** *(Họ, tên và chữ ký)*	**THỦ TRƯỞNG** **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ** *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục II
BIỂU MẪU ÁP DỤNG CHO VIỆC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. B2-1-BBHS: Biên bản mở hồ sơ.

2. B2-2a-NXĐTCN: Phiếu nhận xét đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ.

3. B2-2b-NXĐTXH: Phiếu nhận xét đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

4. B2-2c-NXDA: Phiếu nhận xét dự án sản xuất thử nghiệm.

5. B2-2d-NXĐA: Phiếu nhận xét đề án.

6. B2-3a-ĐGĐTCN: Phiếu đánh giá chấm điểm đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ.

7. B2-3b-ĐGĐTXH: Phiếu đánh giá chấm điểm đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

8. B2-3c-ĐGDA: Phiếu đánh giá chấm điểm dự án sản xuất thử nghiệm.

9. B2-3d-ĐGĐA: Phiếu đánh giá chấm điểm đề án.

10. B2-4-KPĐG: Biên bản kiểm phiếu đánh giá.

11. B2-5-THKP: Bảng tổng hợp kiểm phiếu đánh giá.

12. B2-6-BBHĐ: Biên bản họp hội đồng đánh giá hồ sơ.

13. B2-7-UQ: Giấy ủy quyền

Biểu B2-1-BBHS
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20...

BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:

.....

.....

.....

3. Địa điểm và thời gian

....., ngày...../...../20...

4. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ

TT *Tên cơ quan, tổ chức* *Họ và tên đại biểu*

5. Tình trạng của các hồ sơ

- Tổng số hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN:…... hồ sơ.

- Số hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở hồ sơ:..../.... (tổng số hồ sơ đăng ký).

- Tình trạng của các hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp được thể hiện trong bảng sau:

TT	*Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp*	*Tình trạng Hồ sơ*						
		Nộp đúng hạn[1]	*Tính đầy đủ của Hồ sơ đăng ký[2]*	*Tư cách pháp nhân*	*Có nhiệm vụ cấp Quốc gia[4]*			
					Đang chủ trì nhiệm vụ (chưa nghiệm thu)[3]	*Nợ thu hồi DA SXTN, DA CGCN[5]*	*Bị đình chỉ do sai phạm hoặc không ứng dụng kết quả theo HĐ[6]*	*Hết thời hạn hợp đồng quá 30 ngày chưa nghiệm thu[7]*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*

Kết luận: Như vậy, trong số.....hồ sơ đăng ký, có..... hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá, cụ thể như sau:

TT	*Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề tài/đề án/dự án SXTN*	*Ghi chú*
(1)	*(2)*	*(3)*
1		
2		

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vào……..... h..... phút, ngày.../..../20....

ĐẠI DIỆN **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ** *(Họ, tên và chữ ký)*	**ĐẠI DIỆN** **BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN** *(Họ, tên và chữ ký)*

[1] Những Hồ sơ nộp quá hạn sẽ được thống kê vào biểu này nhưng không mở;
[2] Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu được quy định tại Điều 5 của Thông tư;
[3,5] Tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ;
[4] Nhiệm vụ cấp Quốc gia gồm: đề tài, đề án, dự án SXTN, nhiệm vụ Nghị định thư, Dự án CGCN, NCCB;
[6] Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 03 năm, tính từ thời điểm có Kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc có Quyết định đình chỉ của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
[7] Tổ chức vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 01 năm; Cá nhân vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 02 năm.

Biểu B2-2a-NXĐTCN
10/2014/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí đánh giá	***Nhận xét của chuyên gia***				
	4	**3**	**2**	**1**	**0**
1. Đánh giá tổng quan *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng và Mục 15, 16]*					
- Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu.	☐	☐	☐	☐	☐
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:					
2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng *[Mục 17, 18]*					
- Các nội dung nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu	☐	☐	☐	☐	☐
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	☐	☐	☐	☐	☐
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:					
3. Sản phẩm khoa học và công nghệ *[Mục 22]*					
- Đáp ứng được yêu cầu đặt hàng	☐	☐	☐	☐	☐
- Có khả năng đăng ký sở hữu trí tuệ	☐	☐	☐	☐	☐
- Khả năng được công bố trên các tạp chí KH&CN uy tín trong/ngoài nước	☐	☐	☐	☐	☐
- Đào tạo sau đại học	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:					

4. Khả năng ứng dụng và dự kiến tác động *[Mục 23,24, 25]*	
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra.	☐☐☐☐☐
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu.	☐☐☐☐☐
- Mức độ làm rõ được (tên) các địa chỉ sẵn sàng (dự kiến) áp dụng kết quả đề tài.	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:	
5. Tính khả thi	
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp *[Mục 19 và 20]*	☐☐☐☐☐
- Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch *[Mục 21]*	☐☐☐☐☐
- Dự toán phù hợp với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:	
6. Năng lực tổ chức và cá nhân *[Hồ sơ năng lực kèm theo]*	
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài	☐☐☐☐☐
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu.	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐ 1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-2b-NXĐTXH
10/2014/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP QUỐC GIA

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí đánh giá	***Nhận xét của chuyên gia***				
	4	**3**	**2**	**1**	**0**
1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng]*					
- Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:					
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài *[Mục 13]*					
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước	☐	☐	☐	☐	☐
- Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề tài	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:					
3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện *[Mục 15, 16, 18, 19]*					
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:					

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu *[Mục 17]*	
- Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu	☐☐☐☐☐
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:	
5. Sản phẩm, lợi ích của đề tài và phương án chuyển giao kết quả *[Mục 21, 22]*	
- Sản phẩm của đề tài phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	☐☐☐☐☐
- Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:	
6. Năng lực tổ chức và cá nhân *[Hồ sơ năng lực kèm theo]*	
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài	☐☐☐☐☐
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐ 1. Đề nghị thực hiện:

1.1. Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-2c-NXDA
10/2014/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP QUỐC GIA

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí nhận xét	***Nhận xét của chuyên gia***				
	4	**3**	**2**	**1**	**0**
1. Đánh giá chung *[Mục 12, 13]*					
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án.	☐	☐	☐	☐	☐
- Sản phẩm của dự án có khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh.	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:					
2. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai *[Mục 14, 15, 16]*					
- Mục tiêu của hoàn thiện công nghệ của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng của nhà nước	☐	☐	☐	☐	☐
- Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ xuất xứ	☐	☐	☐	☐	☐
- Mức độ làm rõ cho giải pháp hoàn thiện công nghệ	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:					
3. Giá trị của công nghệ *[Mục 13, 14, 15, 17]*					
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước	☐	☐	☐	☐	☐
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:					

4. Lợi ích của dự án *[Mục 13.2, 13.2, 16]*	
- Làm rõ lợi ích của dự án đối với đơn vị chủ trì hoặc đơn vị hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện công nghệ	☐☐☐☐☐
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án	☐☐☐☐☐
- Lợi ích của khách hàng khi sử dụng sản phẩm dự án	☐☐☐☐☐
- Định lượng được những lợi ích khi triển khai dự án	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:	
5. Phương án tài chính *[Phần III và văn bản pháp lý có liên quan]*	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện	☐☐☐☐☐
- Sự phù hợp của tổng dự toán	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:	
6. Năng lực thực hiện *[Phần III và Mục 13.4, 16]*	
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia	☐☐☐☐☐
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính	☐☐☐☐☐
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐ 1. Đề nghị thực hiện*:*

1.1. Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2. Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-2d-NXĐA
10/2014/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên đề án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí đánh giá	***Nhận xét của chuyên gia***				
	4	**3**	**2**	**1**	**0**
1. Mục tiêu nghiên cứu của đề án *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng]*					
- Mục tiêu của đề án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:					
2. Đánh giá tổng quan *[Mục 13]*					
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐
- Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề án	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:					
3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện *[Mục 15, 16, 18, 19]*					
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước	☐	☐	☐	☐	☐
- Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:					

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu *[Mục 17]*	
- Cách tiếp cận đề án	☐☐☐☐☐
- Phương pháp nghiên cứu	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:	
5. Sản phẩm, lợi ích của đề án và phương án chuyển giao kết quả *[Mục 21, 22]*	
- Sản phẩm của đề án phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	☐☐☐☐☐
- Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:	
6. Năng lực tổ chức và cá nhân *[Hồ sơ năng lực kèm theo]*	
- Cơ quan chủ trì đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề án.	☐☐☐☐☐
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu.	☐☐☐☐☐
Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐ 1. Đề nghị thực hiện:

1.1. Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2. Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-3a-ĐGĐTCN
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí đánh giá	***Chuyên giá đánh giá***					**Hệ số**	***Điểm***	∑	***Điểm tối đa***
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
1. Đánh giá tổng quan									
- Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng và Mục 15]*	☐	☐	☐	☐	☐	1			8
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước *[Mục 16]*	☐	☐	☐	☐	☐	1			
2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng *[Mục 17, 18]*									
- Các nội dung nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu	☐	☐	☐	☐	☐	3			24
- Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			
3. Sản phẩm khoa học và công nghệ *[Mục 22]*									
- Đáp ứng được yêu cầu đặt hàng	☐	☐	☐	☐	☐	1			16
- Khả thi khi đăng ký sở hữu trí tuệ	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Khả năng được công bố trên các tạp chí KH&CN uy tín trong/ngoài nước	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Đào đạo sau đại học	☐	☐	☐	☐	☐	1			

4. Khả năng ứng dụng và dự kiến tác động *[Mục 23, 24, 25]*					
- Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra	☐☐☐☐☐	1			16
- Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu	☐☐☐☐☐	1			
- Mức độ làm rõ được (tên) các địa chỉ sẵn sàng (dự kiến) áp dụng kết quả đề tài	☐☐☐☐☐	2			
5. Tính khả thi					
- Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp *[Mục 19 và 20]*	☐☐☐☐☐	1			16
- Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch *[Mục 21]*	☐☐☐☐☐	1			
- Dự toán phù hợp với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài	☐☐☐☐☐	2			
6. Năng lực tổ chức và cá nhân *[Hồ sơ năng lực kèm theo]*					
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài	☐☐☐☐☐	2			20
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu	☐☐☐☐☐	3			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐				**100**

<u>Ghi chú:</u> Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐ 1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

<u>Nhận xét, kiến nghị:</u>

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Biểu B2-3b-ĐGĐTXH
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP QUỐC GIA

1. Tên đề tài:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí đánh giá	***Chuyên gia đánh giá***					**Hệ số**	***Điểm***	∑	***Điểm tối đa***
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài									
- Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu	☐	☐	☐	☐	☐	1			4
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu *[Mục 13]*									
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐	2			16
- Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề tài	☐	☐	☐	☐	☐	2			
3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện *[Mục 15, 16, 18, 19]*									
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	2			24
- Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			
4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu *[Mục 17]*									
- Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			12
- Phương pháp ngiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	2			

5. Sản phẩm, lợi ích của đề tài và phương án chuyển giao kết quả *[Mục 21, 22]*					
- Sản phẩm của đề tài phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	☐☐☐☐☐	3			24
- Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	☐☐☐☐☐	3			
6. Năng lực tổ chức và cá nhân *[Hồ sơ năng lực kèm theo]*					
- Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài	☐☐☐☐☐	2			20
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu	☐☐☐☐☐	3			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐				**100**

Ghi chú: ***Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐ 1. Đề nghị thực hiện:

1.1. Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2. Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Biểu B2-3c-ĐGDA
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP QUỐC GIA

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí đánh giá	*Chuyên gia đánh giá*					Hệ số	*Điểm*	∑	*Điểm tối đa*
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá chung *[Mục 12, 13]*									
- Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án	☐	☐	☐	☐	☐	1			8
- Sản phẩm của dự án có khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐	1			
2. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai *[Mục 14, 15, 16]*									
- Mục tiêu của hoàn thiện công nghệ của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng của nhà nước	☐	☐	☐	☐	☐	1			24
- Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ xuất xứ	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Mức độ làm rõ cho giải pháp hoàn thiện công nghệ	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	☐	☐	☐	☐	☐	2			
3. Giá trị của công nghệ *[Mục 13, 14, 15, 17]*									
- Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước	☐	☐	☐	☐	☐	1			16
- Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ	☐	☐	☐	☐	☐	1			

4. Lợi ích của dự án *[Mục 13.2, 13.2, 16]*					
- Làm rõ lợi ích của dự án đối với đơn vị chủ trì hoặc đơn vị hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện công nghệ	☐☐☐☐☐	1			16
- Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án	☐☐☐☐☐	1			
- Lợi ích của khách hàng khi sử dụng sản phẩm dự án	☐☐☐☐☐	1			
- Định lượng được những lợi ích khi triển khai dự án	☐☐☐☐☐	1			
5. Phương án tài chính *[Phần III và văn bản pháp lý có liên quan]*					
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện	☐☐☐☐☐	3			20
- Sự phù hợp của tổng dự toán	☐☐☐☐☐	2			
6. Năng lực thực hiện *[Phần III và Mục 13.4, 16]*					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia	☐☐☐☐☐	2			16
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính	☐☐☐☐☐	2			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐				**100**

Ghi chú: ***Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐ 1. Đề nghị thực hiện*:*

1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

Biểu B2-3d-ĐGĐA
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20……

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA

1. Tên đề án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: ***Tên tổ chức:*** ***Họ và tên cá nhân:***	

Tiêu chí đánh giá	***Chuyên gia đánh giá***					**Hệ số**	***Điểm***	∑	***Điểm tối đa***
	4	**3**	**2**	**1**	**0**				
1. Mục tiêu nghiên cứu của đề án									
- Mục tiêu của đề án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu	☐	☐	☐	☐	☐	1			4
2. Đánh giá tổng quan *[Mục 13]*									
- Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.	☐	☐	☐	☐	☐	2			16
- Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề án	☐	☐	☐	☐	☐	2			
3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện *[Mục 15, 16, 18, 19]*									
- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	2			24
- Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	2			
- Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước	☐	☐	☐	☐	☐	1			
- Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			
4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu *[Mục 17]*									
- Cách tiếp cận đề án với đối tượng nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	1			12
- Phương pháp ngiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu	☐	☐	☐	☐	☐	2			

5. Sản phẩm, lợi ích của đề án và phương án chuyển giao kết quả *[Mục 21, 22]*					
- Sản phẩm của đề án phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	☐☐☐☐☐	3			24
- Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học)	☐☐☐☐☐	3			
6. Năng lực tổ chức và cá nhân *[Hồ sơ năng lực kèm theo]*					
- Cơ quan chủ trì đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề án	☐☐☐☐☐	2			20
- Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu	☐☐☐☐☐	3			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	☐☐☐☐☐				**100**

<u>Ghi chú:</u> Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

☐ 1. Đề nghị thực hiện:

1.1. Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2. Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là "Kém" hoặc "Rất kém").

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

<u>Nhận xét, kiến nghị:</u>

Biểu B2-4-KPĐG
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC CHỦ TRÌ VÀ CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

Tên nhiệm vụ:	
Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: *Tên tổ chức:* *Họ và tên cá nhân:*	
1. Số phiếu phát ra: ☐	**2. Số phiếu thu về:** ☐
3. Số phiếu hợp lệ: ☐	**4. Số phiếu không hợp lệ:** ☐

TT	Ủy viên	Tiêu chí đánh giá						Tổng số điểm
		Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	Tiêu chí 6	
1	Ủy viên thứ nhất							
2	Ủy viên thứ hai							
3	Ủy viên thứ ba							
4	**.....**							
5								
6								
7								
8								
9								
	Tổng số điểm trung bình							

Các thành viên ban kiểm phiếu		**Trưởng ban kiểm phiếu**
Thành viên thứ 1 *(Họ, tên và chữ ký)*	**Thành viên thứ 2** *(Họ, tên và chữ ký)*	*(Họ, tên và chữ ký)*

Biểu B2-5-THKP
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC CHỦ TRÌ VÀ CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

Tên nhiệm vụ:

.....

.....

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì	Tổng số điểm trung bình của các thành viên hội đồng	Ghi chú
1			
2			

Các thành viên ban kiểm phiếu		Trưởng ban kiểm phiếu
Thành viên thứ 1 *(Họ, tên và chữ ký)*	**Thành viên thứ 2** *(Họ, tên và chữ ký)*	*(Họ, tên và chữ ký)*

Biểu B2-6-BBHĐ
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG KH&CN

ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

A. Thông tin chung

1. Tên đề tài/dự án SXTN/đề án:

.....

.....

.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng

...../QĐ-BKHCN ngày...../...../20... của Bộ trưởng Bộ.....

3. Địa điểm và thời gian

....., ngày...../..... /20...

4. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên...../..... người. Vắng mặt..... người, gồm các thành viên:

.....

.....

5. Khách mời tham dự họp hội đồng:

TT	*Họ và tên*	*Đơn vị công tác*

6. Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà..... là thư ký khoa học của hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng *(ghi chép của thư ký khoa học):*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

C. Bỏ phiếu đánh giá

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban:.....

- Hai thành viên:.....

.....

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong biên bản kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì đề tài/dự án SXTN/đề án nêu trên:

Tên tổ chức:.....

Họ và tên cá nhân:.....

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng *(kiến nghị về các nội dung cần sửa đổi)*

1. Kiến nghị phương thức khoán chi:

1.1. Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

1.2. Khoán chi từng phần ☐

2. Kiến nghị những nội dung cần sửa đổi:

Hội đồng đề nghị Bộ..... xem xét và quyết định.

THƯ KÝ KHOA HỌC	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

Biểu B2-7-GUQ
10/2014/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Quyết định số...../QĐ.... ngày... tháng..... năm 20..... của Bộ trưởng Bộ..... về việc thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ.....

....., ngày..... tháng..... năm....., chúng tôi gồm có:

I. Bên ủy quyền:

1. Họ và tên:..... Số điện thoại:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn: .....
4. Đơn vị công tác:.....
5. Địa Chỉ:.....
6. Số CMND/Hộ chiếu:..... Nơi cấp:..... Ngày cấp:.....

II. Bên được ủy quyền:

1. Họ và tên:..... Số điện thoại: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn: .....
4. Đơn vị công tác:.....
5. Địa chỉ:.....
6. Số CMND/Hộ chiếu:..... Nơi cấp:..... Ngày cấp:.....

III. Nội dung ủy quyền:

Ủy quyền cho Ông/Bà:..... là Phó chủ tịch Hội đồng KH&CN làm chủ tịch hội đồng KH&CN để tư vấn xét duyệt nhiệm vụ:

.....

.....

.....

IV. Cam kết: Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên.

Bên ủy quyền
(Chữ ký, họ tên)

Phụ lục III
BIỂU MẪU ÁP DỤNG CHO VIỆC THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. B3-1a-TĐĐT/A: Phiếu thẩm định đề tài/đề án.
2. B3-1b-TĐDA: Phiếu thẩm định dự án.
3. B3-2a-BBTĐĐT/A: Biên bản thẩm định đề tài/đề án.
4. B3-2b-BBTĐDA: Biên bản thẩm định dự án.

B3-1a-TĐĐT/A
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT
THẨM ĐỊNH KINH PHÍ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN KH&CN CẤP QUỐC GIA

1. Tên đề tài/đề án:

.....

..... Mã số..... *(nếu có)*

Thuộc: - Chương trình cấp Quốc gia: ☐

- Độc lập: ☐
- Dự án KH&CN: ☐
- Khác: ☐

2. Cơ quan chủ trì:

3. Chủ nhiệm đề tài/đề án:

4. Họ và tên người thẩm định:.....

Học hàm, học vị:.....

Chuyên môn đào tạo:.....

Cơ quan công tác:.....

5. Ngày nhận Hồ sơ thẩm định: ngày.....tháng..... năm 20....

A. Nội dung chuyên môn

I. Nhận xét, đánh giá chung mức độ hoàn thiện của Thuyết minh theo kết luận của Hội đồng KH&CN tư vấn xét duyệt:

1. Nhận xét, đánh giá chung *(về thông tin chung; mục tiêu, nội dung KH&CN, phương án tổ chức thực hiện; sản phẩm KH&CN, thời gian và tổng kinh phí thực hiện....)*:

a) Đủ điều kiện thẩm định:

b) Không đủ điều kiện để thẩm định (nêu rõ lý do):

II. Nhận xét nội dung nghiên cứu:

1. Nội dung nghiên cứu chính (*đề xuất cụ thể):*

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ - lý do:

- Những nội dung cần bổ sung *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do):*

2. Nội dung khảo sát, thí nghiệm, thử nghiệm *(có cần thiết hay không, có bám sát phục vụ nội dung nghiên cứu không; số lượng, quy mô, đối tượng và địa điểm phù hợp hay không phù hợp)*

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ - lý do:

- Những nội dung cần bổ sung *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*:

3. Phương án Hợp tác quốc tế:

4. Hội thảo khoa học:

5. Tiến độ và thời gian thực hiện: *(Sự phù hợp về tiến độ của từng nội dung nghiên cứu: bắt đầu, kết thúc)* thời gian thực hiện..... tháng.

6. Sản phẩm KH&CN chính: (*đề nghị ghi cụ thể*):

B. Nhận xét chi tiết về dự toán kinh phí: *(Nêu ý kiến nhận xét những mục nào trong dự toán chưa phù hợp, nên hiệu chỉnh như thế nào là hợp lý và sơ bộ dự kiến kinh phí)*

1. Công lao động:

2. Nguyên vật liệu và năng lượng:

3. Thiết bị, máy móc:

4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ:

5. Chi khác

C. Kiến nghị:

1. Dự kiến tổng kinh phí cần thiết:..... *triệu đồng;*

2. Phương thức thực hiện:

2.1 ☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng

2.2 ☐ Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí khoán:..... triệu đồng;

- Kinh phí không khoán:.....triệu đồng.

.....,, ngày.... tháng.... năm.....

Thành viên Tổ thẩm định

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

B3-1b-TĐDA
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN

TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT
THẨM ĐỊNH KINH PHÍ DỰ ÁN SXTN CẤP QUỐC GIA

1. Tên dự án SXTN:

.....

..... Mã số..... *(nếu có)*

Thuộc: - Chương trình cấp Quốc gia: ☐

- Độc lập: ☐
- Dự án KH&CN: ☐
- Khác: ☐

2. Cơ quan chủ trì:

3. Chủ nhiệm dự án:

4. Họ và tên người thẩm định:.....

Học hàm, học vị:.....

Chuyên môn đào tạo:.....

Cơ quan công tác:.....

5. Ngày nhận Hồ sơ thẩm định: ngày..... tháng..... năm 20....

A. Nội dung chuyên môn

I. Nhận xét, đánh giá chung mức độ hoàn thiện của Thuyết minh theo kết luận của Hội đồng KH&CN tư vấn xét duyệt:

1. Nhận xét, đánh giá chung *(về thông tin chung; mục tiêu, nội dung KH&CN, phương án tổ chức thực hiện; sản phẩm KH&CN, thời gian và tổng kinh phí thực hiện....)*:

a) Đủ điều kiện thẩm định:

b) Không đủ điều kiện để thẩm định (nêu rõ lý do):

II. Nhận xét nội dung nghiên cứu:

1. Nội dung nghiên cứu để hoàn thiện công nghệ (*đề xuất cụ thể):*

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ - lý do:

- Những nội dung cần bổ sung *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do):*

2. Nội dung khảo sát, thí nghiệm, thử nghiệm *(có cần thiết hay không, có bám sát phục vụ nội dung nghiên cứu hoàn thiện công nghệ không; số lượng, quy mô, đối tượng và địa điểm phù hợp hay không phù hợp)*

- Những nội dung không phù hợp, cần loại bỏ - lý do:

- Những nội dung cần bổ sung *(đề xuất cụ thể và nêu rõ lý do)*:

3. Phương án hợp tác trong/ngoài nước:

4. Hội thảo khoa học:

5. Tiến độ và thời gian thực hiện: *(Sự phù hợp về tiến độ của từng nội dung nghiên cứu: bắt đầu, kết thúc)* thời gian thực hiện..... tháng.

6. Sản phẩm KH&CN chính: *(đề nghị ghi cụ thể)*:

B. Nhận xét về dự toán kinh phí: *(Nêu ý kiến nhận xét những mục nào trong dự toán chưa phù hợp, nên hiệu chỉnh như thế nào là hợp lý và sơ bộ dự kiến kinh phí)*

- Thiết bị máy móc:
- Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo:
- Kinh phí hỗ trợ công nghệ:
- Chi phí lao động:
- Nguyên vật liệu, năng lượng:
- Thuê thiết bị, nhà xưởng:
- Chi khác:

C. Kiến nghị:

1. Dự kiến tổng kinh phí cần thiết:..... *triệu đồng;*

2. Phương thức thực hiện:

2.1 ☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng

2.2 ☐ Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí khoán:..... triệu đồng;

- Kinh phí không khoán:.....triệu đồng.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thành viên Tổ thẩm định

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

B3-2a-BBTĐĐT/A
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ ĐỀ TÀI/ĐỀ ÁN KH&CN CẤP QUỐC GIA

A. Thông tin chung

1. Tên đề tài/đề án:

.....

.....

Mã số.....*(nếu có)*

Thuộc: - Chương trình cấp Quốc gia: ☐

- Độc lập: ☐
- Dự án KH&CN: ☐
- Khác: ☐

2. Cơ quan chủ trì:

3. Chủ nhiệm đề tài/đề án:

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:

- Địa điểm:.....
- Thời gian:……..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:...../…….....

Vắng mặt: người; Họ và tên:.....

6. Đại biểu tham dự:

B. Các ý kiến của thành viên tổ thẩm định: *(thư ký hành chính ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên tổ thẩm định)*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

C. Kết luận của Tổ thẩm định

1. Nội dung chuyên môn:

1.1. Mục tiêu chính của đề tài/đề án *(Ghi cụ thể)*:

1.2. Các nội dung nghiên cứu chính *(Ghi tên của từng nội dung, tiến độ và thời gian thực hiện)*:

1.3. Các hoạt động khác phục vụ nội dung nghiên cứu:

a) Hội thảo khoa học *(số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức)*:

b) Khảo sát, công tác trong nước *(Nội dung khảo sát, số đợt khảo sát, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

c) Hợp tác quốc tế *(Nội dung dự kiến hợp tác, số đoàn ra, đoàn vào, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

d) Thiết bị, máy móc *(thiết bị, máy móc cần mua: tên, số lượng)*:

1.4. Dạng sản phẩm, yêu cầu kĩ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm *(Ghi cụ thể các sản phẩm chính*):

1.5. Tiến độ và thời gian thực hiện:.... tháng:

2. Về kinh phí thực hiện:

2.1. Tổng kinh phí cần thiết:..... *triệu đồng*

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước:..... *triệu đồng*

(Bằng chữ:..... đồng)

+ Kinh phí từ các nguồn khác:..... *triệu đồng*

2.2. Dự kiến nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	**Nội dung Các khoản chi**	**Kinh phí NSNN**		***Ghi chú***
		Kinh phí	**Tỷ lệ** *(%)*	
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông)			
2	Nguyên vật liệu, năng lượng			
3	Thiết bị, máy móc			
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ			
5	Chi khác: *Trong đó: chi đoàn ra*			
	Tổng cộng			

C. Kiến nghị:

1. Phương thức thực hiện:

☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng

☐ Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí khoán:..... *triệu đồng;*
- Kinh phí không khoán:.....*triệu đồng.*

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

Biên bản được lập xong lúc..... giờ, ngày..... tháng..... năm..... và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

Tổ trưởng **Thư ký**

Tổ phó **Tổ phó** **Thành viên** **Thành viên**

B3-2b-BBTĐDA
10/2014/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ DỰ ÁN SXTN CẤP QUỐC GIA

A. Thông tin chung

1. Tên dự án SXTN:.....

.....

Mã số.....*(nếu có)*

Thuộc: - Chương trình cấp Quốc gia: ☐

- Độc lập: ☐

- Dự án KH&CN: ☐

- Khác: ☐

2. Cơ quan chủ trì:

3. Chủ nhiệm dự án:

4. Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định:

- Địa điểm:.....

- Thời gian:..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:...../.....

Vắng mặt: người; Họ và tên:.....

6. Đại biểu tham dự:

B. Các ý kiến của thành viên tổ thẩm định: *(thư ký hành chính ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên tổ thẩm định)*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

C. Kết luận của Tổ thẩm định

1. Nội dung chuyên môn:

1.1. Mục tiêu của dự án *(Ghi cụ thể)*:

1.2. Các nội dung nghiên cứu mới, nội dung nghiên cứu hoàn thiện công nghệ *(Ghi tên của từng nội dung, tiến độ và thời gian thực hiện)*:

1.3. Các hoạt động khác phục vụ nội dung nghiên cứu:

a) Hội thảo khoa học *(số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức)*:

b) Khảo sát, công tác trong nước *(Nội dung khảo sát, số đợt khảo sát, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

c) Hợp tác quốc tế *(Nội dung dự kiến hợp tác, số đoàn ra, đoàn vào, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

d) Thiết bị, máy móc *(thiết bị, máy móc cần mua: tên, số lượng)*:

1.4. Dạng sản phẩm, yêu cầu về chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chất lượng đối với sản phẩm (*Ghi cụ thể các sản phẩm chính*):

1.5. Tiến độ và thời gian thực hiện:.... tháng:

2. Về kinh phí thực hiện:

2.1. Tổng kinh phí cần thiết:..... *triệu đồng*

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước:..... *triệu đồng*

(Bằng chữ:..... đồng)

+ Kinh phí từ các nguồn khác:..... *triệu đồng*

2.2. Dự kiến nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung Các khoản chi	Kinh phí NSNN		*Ghi chú*
		Kinh phí	Tỷ lệ *(%)*	
1	Thiết bị, máy móc			
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo			
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ			
4	Chi phí lao động			
5	Nguyên vật liệu năng lượng			
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng			
7	Chi khác			
	Tổng cộng			

C. Kiến nghị:

1. Phương thức thực hiện:

☐ Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

☐ Khoán chi từng phần, trong đó:

- Kinh phí khoán:..... *triệu đồng;*
- Kinh phí không khoán:.....*triệu đồng.*

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

Biên bản được lập xong lúc..... giờ, ngày..... tháng..... năm..... và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

Tổ trưởng **Thư ký**

Tổ phó **Tổ phó** **Thành viên** **Thành viên**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng